

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 2 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - CCQ2312G,H**
CBGD

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2123120439	Nguyễn Lan	Anh	25/03/2005	CCQ2312H	5.2	8.0	6	8.3	9	7.7	
2	2123120361	Nguyễn Quốc	Anh	29/08/2005	CCQ2312G	7.7	8.4	4	8	9	7.4	
3	2123120384	Phan Tuấn	Anh	25/11/2005	CCQ2312G	5.0	3.2	4	8.3	9	6.7	
4	2123120388	Trương Nguyễn	Anh	07/10/2005	CCQ2312G	5.4	3.2	5	8	9	6.8	
5	2123120430	Nguyễn Thành	Công	02/04/2005	CCQ2312H	5.4	3.4	4	9.3	9	7.1	
6	2123120351	Trần Tiến	Đạt	04/06/2005	CCQ2312G	4.6	2.9	4	5	9	6.4	
7	2123120362	Đỗ Thị Thủy	Diễm	12/12/2005	CCQ2312G	6.0	3.5	4	8.3	10	7.2	
8	2123120445	Hồ Thị Kim	Dung	18/06/2005	CCQ2312H	6.6	8.0	4	4	8	6.1	
9	2123120412	Nguyễn Thị Thuý	Dung	23/02/2005	CCQ2312H	4.8	9.0	5	8.3	9	7.6	
10	2123120462	Nguyễn Thành	Dũng	21/11/2002	CCQ2312H	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
11	2123120353	Hồ Thị	Dương	21/08/2005	CCQ2312G	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
12	2123120395	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	23/06/2005	CCQ2312G	6.4	3.7	4	5	9	6.0	
13	2123120436	Tô Thị Mỹ	Duyên	26/03/2005	CCQ2312H	4.6	7.7	7	7.7	9	7.5	
14	2123120389	Nguyễn Thị Thu	Hằng	10/02/2005	CCQ2312G	5.6	8.7	5	5.3	9	6.8	
15	2123120506	Lê Thị	Hào	26/12/2005	CCQ2312G	4.2	7.7	5	9.7	9	7.8	
16	2123120427	Hoàng Thị	Hòa	09/10/2005	CCQ2312H	6.2	9.0	6	8	9	7.9	
17	2123120352	Võ Trần	Khang	23/02/2005	CCQ2312G	7.0	7.7	4	9.7	9	8.0	
18	2123120376	Nguyễn Hồng	Lam	22/10/2005	CCQ2312G	6.0	8.7	6	7.3	9	7.6	
19	2123120420	Châu Tuyền	Linh	30/06/2005	CCQ2312H	4.6	3.4	4	4	8	5.1	
20	2123120404	Thuận Nữ Lan	Linh	29/10/2005	CCQ2312H	7.0	3.0	7	8.7	9	7.5	
21	2123120424	Phạm Thành	Lộc	14/07/2003	CCQ2312H	7.0	8.0	4	7	10	7.6	
22	2123120438	Nguyễn Sỹ	Luân	06/07/2005	CCQ2312H	7.4	8.4	4	4	10	6.8	
23	2123120394	Nguyễn Thị Trúc	Ly	29/10/2005	CCQ2312G	7.4	7.7	5	8.7	9	7.9	
24	2123120417	Trần Lệ	My	12/12/2005	CCQ2312H	6.0	6.3	7	6	9	7.0	
25	2123120368	Nguyễn Hoàng	Nam	19/11/2005	CCQ2312G	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
26	2123120422	Huỳnh Thị Hồng	Ngân	01/08/2005	CCQ2312H	5.0	4.7	7	8	9	7.2	
27	2123120524	Phạm Văn Hoàng	Ngọc	23/08/2003	CCQ2312G	7.0	2.5	4	9	8	6.8	
28	2123120447	Trần Thị Như	Nguyễn	22/01/2004	CCQ2312H	7.0	6.7	6	4	9	6.5	
29	2123120413	Hoàng Thị Yến	Nhi	11/11/2005	CCQ2312H	7.2	8.7	5	5	9	7.0	
30	2123120374	Mai Yến	Nhi	08/03/2005	CCQ2312G	7.2	8.0	6	9	9	8.2	
31	2123120459	Nguyễn Ngọc Bình	Nhi	30/11/2005	CCQ2312H	6.0	5.3	7	5	9	6.6	
32	2123120360	Nguyễn Thị Yến	Nhi	28/10/2005	CCQ2312G	8.0	6.7	4	8	9	7.5	
33	2123120432	Phan Thị Yến	Nhi	25/02/2005	CCQ2312H	6.4	6.3	4	8.3	9	7.3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
34	2123120450	Trần Lệ	Nhi	13/09/2005	CCQ2312H	5.0	7.3	4	7	8	6.6	
35	2123120343	La Bích	Nhị	20/02/2005	CCQ2312G	7.0	6.0	7	7	9	7.4	
36	2123120398	Hồ Quốc	Nhiên	20/06/2005	CCQ2312G	6.4	8.7	4	8	9	7.6	
37	2123120391	Phạm Thị Thảo	Như	21/06/2005	CCQ2312G	4.4	6.7	5	8	9	7.2	
38	2123120451	Hoàng Thị Kim	Oanh	05/09/2005	CCQ2312H	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
39	2123120355	Mai Nhật	Phú	08/01/2005	CCQ2312G	8.2	4.0	4	6.7	9	6.8	
40	2123120431	Bùi Đình	Phúc	30/03/2005	CCQ2312H	6.2	7.7	4	8	9	7.4	
41	2123120390	Nguyễn Thị Mỹ	Phúc	01/11/2005	CCQ2312G	6.4	8.7	6	7.7	9	7.8	
42	2123120570	Dương Hải Huyền	Phương	20/10/2005	CCQ2312H	6.2	8.7	5	9	10	8.3	
43	2123120403	Trương Mai	Phương	15/09/2005	CCQ2312G	4.4	6.0	5	9	9	7.3	
44	2123120367	Nguyễn Thành	Quy	25/09/2005	CCQ2312G	5.6	5.7	4	9	9	7.3	
45	2123120354	Nguyễn Huỳnh Thảo	Quyên	29/05/2005	CCQ2312G	5.6	5.3	4	5	9	6.1	
46	2123120425	Phạm Như	Quỳnh	11/12/2005	CCQ2312H	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
47	2123120393	Trần Thị Như	Quỳnh	26/06/2005	CCQ2312G	6.2	8.0	6	7.7	9	7.7	
48	2123120428	Lê Thị Minh	Tâm	25/03/2005	CCQ2312H	6.0	7.0	7	8.7	8	7.6	
49	2123120408	Bùi Thị Thanh	Thảo	29/10/2005	CCQ2312H	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
50	2123120418	Nguyễn Phương	Thảo	20/08/2005	CCQ2312H	6.2	7.0	7	5.3	8	6.7	
51	2123120458	Nguyễn Thị Thu	Thảo	23/11/2005	CCQ2312H	5.0	3.4	4	9	9	6.9	
52	2123120363	Đoàn Bùi Minh	Thư	18/07/2005	CCQ2312G	4.8	6.7	5	8.7	8	7.1	
53	2123120357	Trần Thu	Thủy	04/05/2005	CCQ2312G	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
54	2123120401	Trần Ái	Tình	14/12/2005	CCQ2312G	4.2	3.0	4	4	9	5.3	
55	2123120358	Dương Thị Bích	Trâm	15/04/2005	CCQ2312G	6.0	7.3	7	9	10	8.3	
56	2123120463	Đỗ Thị Thủy	Trang	04/02/2004	CCQ2312H	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
57	2123120415	La Thị	Trang	23/04/2003	CCQ2312H	5.6	8.0	7	8.7	8	7.7	
58	2123120364	Nguyễn Thị Thủy	Trang	20/03/2005	CCQ2312G	5.8	3.2	4	6	9	6.1	
59	2123120446	Phạm Thị	Trang	20/09/2002	CCQ2312H	7.0	7.7	6	7.7	10	8.0	
60	2123120410	Vì Thị Thủy	Trang	25/12/2005	CCQ2312H	6.0	7.7	5	9.3	9	7.9	
61	2123120382	Hồ Thị Thanh	Trúc	07/12/2005	CCQ2312G	5.2	8.4	5	5.3	9	6.7	
62	2123120435	Lê Anh	Tuấn	30/06/2004	CCQ2312H	3.0	3.4	4	7.3	9	6.1	
63	2123120392	Trần Anh	Văn	02/09/2005	CCQ2312G	6.0	3.2	4	7.7	9	6.7	
64	2123120440	Phạm Lê Trà	Vi	06/10/2005	CCQ2312H	3.8	7.3	6	5	9	6.4	
65	2123120347	Giang Thanh	Vy	27/01/2003	CCQ2312G	6.8	8.4	6	6.3	9	7.4	
66	2123120371	Trần Thị Thúy	Vy	27/04/2005	CCQ2312G	6.0	7.7	7	8	9	7.8	
67	2123120460	Đoàn Thị Hồng	Xoan	18/01/2004	CCQ2312H	5.6	7.7	7	6.3	9	7.3	

Tp. HCM , ngày 03 tháng 04 năm 2024
GIẢNG VIÊN

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
-----	-------	-----------	-----------	---------	-------	-------	-------	-------	-------	-----	---------

Trương Xuân Hùng

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN
Học Kỳ 2 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - CCQ2312G,H**
CBGD **Trương Xuân Hùng**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2123120439	Nguyễn Lan	Anh	25/03/2005	CCQ2312H	7.7	6.6	7.0
2	2123120361	Nguyễn Quốc	Anh	29/08/2005	CCQ2312G	7.4	8.0	7.7
3	2123120384	Phan Tuấn	Anh	25/11/2005	CCQ2312G	6.7	7.2	7.0
4	2123120388	Trương Nguyên	Anh	07/10/2005	CCQ2312G	6.8	5.0	5.7
5	2123120430	Nguyễn Thành	Công	02/04/2005	CCQ2312H	7.1	7.0	7.0
6	2123120351	Trần Tiến	Đạt	04/06/2005	CCQ2312G	6.4	6.6	6.5
7	2123120362	Đỗ Thị Thúy	Diễm	12/12/2005	CCQ2312G	7.2	6.8	6.9
8	2123120445	Hồ Thị Kim	Dung	18/06/2005	CCQ2312H	6.1	7.6	7.0
9	2123120412	Nguyễn Thị Thuý	Dung	23/02/2005	CCQ2312H	7.6	5.8	6.5
10	2123120462	Nguyễn Thành	Dũng	21/11/2002	CCQ2312H	0.0	0.0	0.0
11	2123120353	Hồ Thị	Dương	21/08/2005	CCQ2312G	0.0	0.0	0.0
12	2123120395	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	23/06/2005	CCQ2312G	6.0	5.0	5.4
13	2123120436	Tô Thị Mỹ	Duyên	26/03/2005	CCQ2312H	7.5	5.0	6.0
14	2123120389	Nguyễn Thị Thu	Hằng	10/02/2005	CCQ2312G	6.8	6.2	6.5
15	2123120506	Lê Thị	Hào	26/12/2005	CCQ2312G	7.8	5.8	6.6
16	2123120427	Hoàng Thị	Hòa	09/10/2005	CCQ2312H	7.9	7.6	7.7
17	2123120352	Võ Trần	Khang	23/02/2005	CCQ2312G	8.0	5.2	6.3
18	2123120376	Nguyễn Hồng	Lam	22/10/2005	CCQ2312G	7.6	5.4	6.3
19	2123120420	Châu Tuyền	Linh	30/06/2005	CCQ2312H	5.1	5.4	5.3
20	2123120404	Thuận Nữ Lan	Linh	29/10/2005	CCQ2312H	7.5	6.0	6.6
21	2123120424	Phạm Thành	Lộc	14/07/2003	CCQ2312H	7.6	6.8	7.1
22	2123120438	Nguyễn Sỹ	Luân	06/07/2005	CCQ2312H	6.8	7.6	7.3
23	2123120394	Nguyễn Thị Trúc	Ly	29/10/2005	CCQ2312G	7.9	6.0	6.8
24	2123120417	Trần Lệ	My	12/12/2005	CCQ2312H	7.0	5.4	6.1
25	2123120368	Nguyễn Hoàng	Nam	19/11/2005	CCQ2312G	0.0	0.0	0.0
26	2123120422	Huỳnh Thị Hồng	Ngân	01/08/2005	CCQ2312H	7.2	5.2	6.0
27	2123120524	Phạm Văn Hoàng	Ngọc	23/08/2003	CCQ2312G	6.8	6.2	6.4
28	2123120447	Trần Thị Như	Nguyên	22/01/2004	CCQ2312H	6.5	7.2	6.9
29	2123120413	Hoàng Thị Yên	Nhi	11/11/2005	CCQ2312H	7.0	5.0	5.8
30	2123120374	Mai Yến	Nhi	08/03/2005	CCQ2312G	8.2	6.2	7.0
31	2123120459	Nguyễn Ngọc Bình	Nhi	30/11/2005	CCQ2312H	6.6	5.4	5.9
32	2123120360	Nguyễn Thị Yên	Nhi	28/10/2005	CCQ2312G	7.5	7.6	7.6
33	2123120432	Phan Thị Yên	Nhi	25/02/2005	CCQ2312H	7.3	4.8	5.8

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
34	2123120450	Trần Lê	Nhi	13/09/2005	CCQ2312H	6.6	5.4	5.9
35	2123120343	La Bích	Nhị	20/02/2005	CCQ2312G	7.4	5.8	6.5
36	2123120398	Hồ Quốc	Nhiên	20/06/2005	CCQ2312G	7.6	6.2	6.8
37	2123120391	Phạm Thị Thảo	Như	21/06/2005	CCQ2312G	7.2	6.0	6.5
38	2123120451	Hoàng Thị Kim	Oanh	05/09/2005	CCQ2312H	0.0	0.0	0.0
39	2123120355	Mai Nhật	Phú	08/01/2005	CCQ2312G	6.8	7.4	7.2
40	2123120431	Bùi Đình	Phúc	30/03/2005	CCQ2312H	7.4	6.2	6.7
41	2123120390	Nguyễn Thị Mỹ	Phúc	01/11/2005	CCQ2312G	7.8	6.6	7.1
42	2123120570	Dương Hải Huyền	Phương	20/10/2005	CCQ2312H	8.3	6.8	7.4
43	2123120403	Trương Mai	Phương	15/09/2005	CCQ2312G	7.3	5.4	6.2
44	2123120367	Nguyễn Thành	Quy	25/09/2005	CCQ2312G	7.3	8.0	7.7
45	2123120354	Nguyễn Huỳnh Thảo	Quyên	29/05/2005	CCQ2312G	6.1	5.2	5.6
46	2123120425	Phạm Như	Quỳnh	11/12/2005	CCQ2312H	0.0	0.0	0.0
47	2123120393	Trần Thị Như	Quỳnh	26/06/2005	CCQ2312G	7.7	7.2	7.4
48	2123120428	Lê Thị Minh	Tâm	25/03/2005	CCQ2312H	7.6	6.6	7.0
49	2123120408	Bùi Thị Thanh	Thảo	29/10/2005	CCQ2312H	0.0	0.0	0.0
50	2123120418	Nguyễn Phương	Thảo	20/08/2005	CCQ2312H	6.7	6.0	6.3
51	2123120458	Nguyễn Thị Thu	Thảo	23/11/2005	CCQ2312H	6.9	6.6	6.7
52	2123120363	Đoàn Bùi Minh	Thư	18/07/2005	CCQ2312G	7.1	6.6	6.8
53	2123120357	Trần Thu	Thùy	04/05/2005	CCQ2312G	0.0	0.0	0.0
54	2123120401	Trần Ai	Tĩnh	14/12/2005	CCQ2312G	5.3	7.2	6.4
55	2123120358	Dương Thị Bích	Trâm	15/04/2005	CCQ2312G	8.3	6.2	7.1
56	2123120463	Đỗ Thị Thùy	Trang	04/02/2004	CCQ2312H	0.0	0.0	0.0
57	2123120415	La Thị	Trang	23/04/2003	CCQ2312H	7.7	6.4	6.9
58	2123120364	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/03/2005	CCQ2312G	6.1	6.6	6.4
59	2123120446	Phạm Thị	Trang	20/09/2002	CCQ2312H	8.0	7.8	7.9
60	2123120410	Vì Thị Thuỳ	Trang	25/12/2005	CCQ2312H	7.9	6.2	6.9
61	2123120382	Hồ Thị Thanh	Trúc	07/12/2005	CCQ2312G	6.7	5.8	6.2
62	2123120435	Lê Anh	Tuấn	30/06/2004	CCQ2312H	6.1	5.8	5.9
63	2123120392	Trần Anh	Văn	02/09/2005	CCQ2312G	6.7	5.0	5.7
64	2123120440	Phạm Lê Trà	Vi	06/10/2005	CCQ2312H	6.4	5.4	5.8
65	2123120347	Giang Thanh	Vy	27/01/2003	CCQ2312G	7.4	6.8	7.0
66	2123120371	Trần Thị Thúy	Vy	27/04/2005	CCQ2312G	7.8	5.2	6.2
67	2123120460	Đoàn Thị Hồng	Xoan	18/01/2004	CCQ2312H	7.3	5.6	6.3

Tp. HCM , ngày 03 tháng 04 năm 2024